

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HÀ NAM

Số: /CTHNA-TTHT
V/v cung cấp thông tin quyết toán
thuế năm 2024.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- Các đơn vị chi trả thu nhập trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Để giúp người nộp thuế (NNT) thực hiện tốt các quy định về quản lý thuế đối với Hồ sơ khai quyết toán thuế (QTT) năm 2024, Cục Thuế tỉnh Hà Nam cung cấp một số thông tin về khai QTT đối với một số sắc thuế như sau:

1. Khai QTT thu nhập doanh nghiệp (TNDN) kỳ tính thuế năm 2024

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng vốn của nhà thầu nước ngoài; thuế thu nhập doanh nghiệp kê khai theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) là loại thuế khai quyết toán năm và quyết toán đến thời điểm giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng hoặc tổ chức lại doanh nghiệp. Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa) mà doanh nghiệp chuyển đổi kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp được chuyển đổi thì không phải khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp, doanh nghiệp khai quyết toán khi kết thúc năm.

1.1. Thời hạn nộp hồ sơ khai QTT TNDN năm 2024:

Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ QTT năm. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.

1.2. Hồ sơ khai QTT TNDN năm 2024:

1.2.1. Hồ sơ khai QTT TNDN của NNT tính theo tỷ lệ % trên doanh thu:

- Tờ khai thuế TNDN theo Mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC.
- Báo cáo tài chính năm.

1.2.2. Hồ sơ khai QTT TNDN theo phương pháp doanh thu – chi phí:

- Tờ khai QTT TNDN (áp dụng đối với phương pháp doanh thu – chi phí) theo Mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- Báo cáo tài chính năm;
- Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai (tuỳ theo thực tế phát sinh của NNT) ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC:
 - + Phụ lục kết quả HĐSXKD theo Mẫu số 03-1A/TNDN hoặc Mẫu số 03-1B/TNDN hoặc Mẫu số 03-1C/TNDN.
 - + Phụ lục chuyển lỗ theo Mẫu số 03-2/TNDN;
 - + Phụ lục ưu đãi đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới, thu nhập của DN được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo Mẫu số 03-3A/TNDN.
 - + Phụ lục ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (dự án đầu tư mở rộng) theo Mẫu số 03-3B/TNDN.
 - + Phụ lục ưu đãi đối với DN sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc DN hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ theo Mẫu số 03-3C/TNDN.
 - + Phụ lục ưu đãi đối với DN khoa học công nghệ hoặc DN thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao theo Mẫu số 03-3D/TNDN.
 - + Phụ lục thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài Mẫu số 03-4/TNDN;
 - + Phụ lục thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo Mẫu số 03-5/TNDN;
 - + Phụ lục báo cáo trích, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ theo Mẫu số 03-6/TNDN;
 - + Phụ lục bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với cơ sở sản xuất theo Mẫu số 03-8/TNDN;
 - + Phụ lục bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo Mẫu số 03-8A/TNDN;
 - + Phụ lục bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với hoạt động sản xuất thủy điện theo Mẫu số 03-8A/TNDN;
 - + Phụ lục bảng phân bổ số thuế TNDN phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo Mẫu số 03-8A/TNDN;
 - + Phụ lục bảng kê chứng từ nộp tiền thuế TNDN doanh thu tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản thu tiền theo tiến độ chưa bàn giao trong năm theo Mẫu số 03-9/TNDN,

- Trường hợp DN có dự án đầu tư ở nước ngoài, ngoài các hồ sơ nêu trên, DN bổ sung: Bản chụp Tờ khai thuế thu nhập ở nước ngoài có xác nhận của NNT; Bản chụp chứng từ nộp thuế ở nước ngoài có xác nhận của NNT hoặc bản gốc xác nhận của cơ quan thuế nước ngoài về số thuế đã nộp hoặc bản chụp chứng từ có giá trị tương đương có xác nhận của NNT.

1.2.3. Hồ sơ khai QTT TNDN đối với NNT có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN bao gồm một hoặc một số Phụ lục ưu đãi về thuế TNDN (tùy theo thực tế phát sinh của NNT) như sau:

- Phụ lục ưu đãi đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới, thu nhập của DN được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo Mẫu số 03-3A/TNDN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- Phụ lục ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (dự án đầu tư mở rộng) theo Mẫu số 03-3B/TNDN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- Phụ lục ưu đãi đối với DN sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc DN hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ theo Mẫu số 03-3C/TNDN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- Phụ lục ưu đãi đối với DN khoa học công nghệ hoặc DN thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao theo Mẫu số 03-3D/TNDN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

1.3. Một số lưu ý khi thực hiện kê khai QTT TNDN kỳ tính thuế năm 2024:

- **Về kê khai thuế TNDN**, DN tự xác định, kê khai đầy đủ, chính xác thông tin tại Tờ khai QTT TNDN (Mẫu số 03/TNDN) và các phụ lục kèm theo tờ khai QTT TNDN, trong đó lưu ý đến một số chỉ tiêu trên tờ khai Mẫu số 03/TNDN như sau:

Chỉ tiêu [G1], [G3]: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này;

Chỉ tiêu [G2], [G4], [G5]: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2024;

Các chỉ tiêu [E], [G]: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.

- **Về kê khai thông tin giao dịch liên kết**, DN phải xác định, kê khai thông tin giao dịch liên kết, cụ thể DN lưu ý xác định chính xác đối tượng phải kê khai, thực hiện kiểm soát và kê khai đầy đủ thông tin giao dịch liên kết, xác định đúng chi phí lãi vay được trừ (*mức không chế 30%*) khi tính thuế TNDN theo

quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ để hạn chế sai sót.

+ Trường hợp NNT có giao dịch liên kết thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 có trách nhiệm kê khai thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo **Phu lục I, Phu lục II, Phu lục III** ban hành kèm theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP và **nộp cùng Tờ khai quyết toán thuế TNDN** (quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP)

+ Trường hợp NNT có nghĩa vụ liên quan đến Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia thực hiện lập báo cáo lợi nhuận liên quốc gia tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP và nộp cho cơ quan thuế theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

+ Các trường hợp NNT được miễn kê khai, miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết được quy định tại Điều 19 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- **Về tạm nộp thuế TNDN** theo Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/10/2022 được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2021:

+ Người nộp thuế phải tự xác định số thuế TNDN tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế TNDN cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyên nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính) và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo QTT năm.

+ Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 04 đến ngày liền kề trước ngày số tiền thuế còn thiếu được nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Người nộp thuế có thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ phù hợp với quy định của pháp luật thì thực hiện tạm nộp thuế TNDN theo quý theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu được. Trường hợp chưa bàn giao cơ sở hạ tầng, nhà và chưa tính vào doanh thu tính thuế TNDN trong năm thì người nộp thuế không tổng hợp vào hồ sơ khai QTT TNDN năm mà tổng hợp vào hồ sơ khai QTT TNDN khi bàn giao bất động sản đối với từng phần hoặc toàn bộ dự án.

- **Về nghĩa vụ thuế khi DN trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của DN** (sau đây gọi là Quỹ) theo Thông tư số 67/2022/TT-

BTC ngày 07/11/2022 hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/12/2022 và áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế từ kỳ tính thuế TNDN năm 2022:

+ Khoản trích Quỹ được xác định theo từng kỳ tính thuế TNDN và được trừ vào thu nhập tính thuế TNDN khi xác định thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế;

+ DN không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế đối với các khoản chi từ Quỹ và các khoản tiền chậm nộp, tiền lãi phát sinh từ số thuế TNDN phải nộp xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 67/2022/TT-BTC.

+ Trường hợp trong năm, DN có nhu cầu sử dụng cho hoạt động khoa học và công nghệ vượt quá số tiền hiện có tại Quỹ thì được lựa chọn tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ tính thuế hoặc trích trước Quỹ của các năm tiếp theo để bù vào số còn thiếu theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

+ DN phải lập hồ sơ tài sản cố định được hình thành từ nguồn Quỹ để theo dõi quản lý theo quy định pháp luật và không được tính khấu hao tài sản cố định vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, bao gồm các trường hợp sau:

✓ Tài sản cố định hình thành để phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của DN;

✓ Mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 7 Luật Chuyển giao công nghệ để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của DN theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

✓ Mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN trong 02 năm (năm 2023 và năm 2024) theo nội dung nêu tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

+ Trường hợp tài sản cố định đã được hình thành từ nguồn Quỹ để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ chưa hết hao mòn, nếu chuyển giao cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DN thì phần giá trị còn lại của tài sản cố định tính vào thu nhập khác và phần giá trị còn lại của tài sản cố định đó

được trích khấu hao, tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

+ Trường hợp tài sản cố định đã được hình thành từ nguồn Quỹ chưa hết hao mòn vừa dùng cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, đồng thời dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DN thì DN tiếp tục theo dõi quản lý theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và không phải tính khấu hao tài sản cố định vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

+ Trường hợp tài sản cố định được hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của DN, sau đó được chuyển giao phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DN thì giá trị của tài sản cố định tính vào thu nhập khác và giá trị của tài sản cố định đó được trích khấu hao, tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

- Về trích lập khoản dự phòng:

Việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, dự phòng tổn thất nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng làm cơ sở xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định được hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 của Bộ Tài chính)

2. Khai QTT thu nhập cá nhân (TNCN) kỳ tính thuế năm 2024

2.1. Thời hạn nộp hồ sơ khai QTT TNCN năm 2024

- *Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công (TLTC):* Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

- *Đối với cá nhân trực tiếp QTT với cơ quan thuế:* Thời hạn nộp hồ sơ QTT chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó. Như vậy, thời hạn nộp hồ sơ QTT TNCN kỳ tính thuế năm 2024 đối với tổ chức trả thu nhập là ngày 31/3/2025 và đối với cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế là ngày 05/5/2025.

- Trường hợp cá nhân trực tiếp QTT TNCN chậm nộp hồ sơ QTT TNCN mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn thì không xử phạt vi phạm hành chính

đối với hành vi chậm nộp hồ sơ QTT (theo điểm b khoản 2 Điều 141 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14).

2.2. Mẫu biểu hồ sơ khai QTT TNCN

- Đối với các tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công (TLTC):

+ Tờ khai QTT TNCN (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ TLTC) theo mẫu số 05/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC;

+ Các phụ lục kèm theo tờ khai quyết toán mẫu số 05/QTT-TNCN (tùy theo thực tế phát sinh của đơn vị) ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính:

✓ Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần theo mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN;

✓ Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần theo mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN;

✓ Phụ lục bảng kê chi tiết người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh theo mẫu số 05-3/BK-QTT-TNCN.

- Đối với cá nhân trực tiếp QTT với cơ quan thuế:

+ Tờ khai QTT TNCN (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công) theo mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính;

+ Phụ lục bảng kê giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc theo mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính;

+ Các tài liệu kèm theo (tùy theo thực tế phát sinh của người nộp thuế):

✓ Bản sao các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ QTT cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế;

✓ Bản sao Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc Bản sao chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế trong trường hợp theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp;

✓ Bản sao các hóa đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (*nếu có*);

✓ Tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài trong trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài;

✓ Hồ sơ đăng ký người phụ thuộc quy định tại mục 9.11 khoản 9 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP bao gồm:

+ Bản đăng ký người phụ thuộc theo mẫu số 07/ĐK-NPT-TNCN;

+ Phụ lục bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng;

+ Hồ sơ chứng minh người phụ thuộc theo quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân;

+ Phụ lục bảng tổng hợp đăng ký người phụ thuộc cho người giảm trừ gia cảnh (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện đăng ký giảm trừ người phụ thuộc cho người lao động) theo mẫu số 07/THĐK-NPT-TNCN.

Lưu ý: Hồ sơ chứng minh người phụ thuộc được hướng dẫn theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023 sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNCN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN.

2.3. Phân bổ thuế TNCN

Điều 19 Thông tư số 80/2021/TT-BTC quy định:

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ TLTC thực hiện phân bổ thuế TNCN trong trường hợp tổ chức tại trụ sở chính trả thu nhập cho người lao động làm việc tại đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh tại tỉnh khác thực hiện khấu trừ thuế TNCN.

- Tổ chức trả thu nhập xác định riêng số thuế TNCN phải phân bổ đối với thu nhập từ TLTC của cá nhân làm việc tại từng tỉnh theo số thuế thực tế đã khấu trừ của từng cá nhân. Trường hợp người lao động được điều chuyển, luân chuyển, biệt phái thì căn cứ thời điểm trả thu nhập, người lao động đang làm việc tại tỉnh nào thì số thuế TNCN khấu trừ phát sinh được tính cho tỉnh đó.

2.4. Một số lưu ý khi thực hiện khai QTT TNCN năm 2024

- Về kê khai quyết toán:

Điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định:

+ Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ TLTC không phát sinh khấu trừ thuế TNCN theo tháng, quý thì vẫn phải khai QTT và quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền do tổ chức, cá nhân trả thu nhập chi trả.

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập thì không phải khai quyết toán thuế TNCN.

+ Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ TLTC có trách nhiệm khai QTT và quyết toán thay cho các cá nhân có ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế. Trường hợp cá nhân có ủy quyền QTT cho tổ chức và có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống thuộc diện được miễn thuế, thì tổ chức trả thu nhập vẫn phải kê khai thông tin cá nhân được trả thu nhập đó tại hồ sơ khai QTT TNCN của tổ chức và không tổng hợp số thuế phải nộp thêm của các cá nhân có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống. Trường hợp đã quyết toán trước thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thì không xử lý hồi tố.

+ Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống, thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thuế theo ủy quyền của cá nhân đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả và thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động (nếu có).

- Kê khai bổ sung:

Điều a khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định:

Người nộp thuế được nộp hồ sơ khai bổ sung cho từng hồ sơ khai thuế có sai, sót theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15). Người nộp thuế khai bổ sung như sau:

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân khai bổ sung không làm thay đổi nghĩa vụ thuế thì chỉ phải nộp Bản giải trình khai bổ sung và các tài liệu có liên quan, không phải nộp Tờ khai bổ sung.

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa nộp hồ sơ khai QTT năm thì NNT khai bổ sung hồ sơ khai thuế của tháng, quý có sai, sót, đồng thời tổng hợp số liệu khai bổ sung vào hồ sơ khai QTT năm.

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ khai QTT năm thì:

✓ Đối với cá nhân trực tiếp khai thuế, trực tiếp QTT chỉ khai bổ sung hồ sơ khai QTT năm.

✓ Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ TLTC thì đồng thời phải khai bổ sung hồ sơ khai QTT năm và tờ khai tháng, quý có sai, sót tương ứng.

3. Khai quyết toán thuế tài nguyên (trừ dầu thô, khí thiên nhiên)

3.1. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên

- Khoản 1 Điều 45 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định, NNT nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

- Điểm g khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định, NNT có hoạt động khai thác tài nguyên khác địa bàn cấp tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính (trừ thuế tài nguyên đối với hoạt động sản xuất thủy điện trong trường hợp lòng hồ thủy điện của nhà máy thủy điện nằm chung trên các địa bàn cấp tỉnh, thuế tài nguyên của tổ chức được giao bán tài nguyên bị bắt giữ, tịch thu, khai thác tài nguyên không thường xuyên đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoặc không thuộc trường hợp phải cấp phép theo quy định của pháp luật) thì nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên tại cơ quan thuế nơi có hoạt động khai thác tài nguyên.

- Khoản 2, Khoản 3 Điều 15 Thông tư số 80/2021/TT-BTC quy định, NNT có nhà máy sản xuất thủy điện nằm chung trên các địa bàn cấp tỉnh thực hiện khai thuế tài nguyên và nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên theo mẫu số 01/TAIN, hồ sơ QTT tài nguyên theo Mẫu số 02/TAIN cho cơ quan thuế quản lý khoản thu NSNN nơi có hoạt động khai thác tài nguyên nước.

- Điểm d khoản 4 Điều 8, điểm a khoản 6 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định tổ chức giao bán tài nguyên bị bắt giữ, tịch thu khác địa bàn cấp tỉnh với nơi tổ chức đóng trụ sở chính thì nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên tại cơ quan thuế nơi có hoạt động bán tài nguyên bị bắt giữ, tịch thu.

- Điểm d khoản 4 Điều 8, điểm a khoản 6 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định tổ chức có hoạt động khai thác tài nguyên không thường xuyên đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoặc không thuộc trường hợp phải cấp phép theo quy định của pháp luật khác địa bàn cấp tỉnh với nơi tổ chức đóng trụ sở chính thì nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên tại cơ quan thuế nơi có hoạt động khai thác.

3.2. Thời hạn nộp hồ sơ QTT tài nguyên năm 2024

NNT lập và gửi hồ sơ QTT tài nguyên năm 2024 chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ QTT trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.

3.3. Hồ sơ khai QTT tài nguyên năm 2024

- Tờ khai QTT tài nguyên theo Mẫu số 02/TAIN ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Phụ lục bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp cho các địa phương nơi được hưởng nguồn thu đối với hoạt động sản xuất thủy điện theo Mẫu số 01-1/TAIN (nếu có).

4. Khai quyết toán các khoản phí thuộc ngân sách nhà nước (trừ phí do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và phí hải quan).

4.1. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán phí năm 2024

Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ QTT năm. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.

4.2. Hồ sơ khai quyết toán

- Hồ sơ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản: Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường (áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản) theo mẫu số 02/PBVMT ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC;

- Hồ sơ khai quyết toán các khoản phí thuộc ngân sách nhà nước khác: Tờ khai quyết toán phí theo mẫu số 02/PH ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Để tránh nộp chậm Hồ sơ khai quyết toán năm 2024, các đơn vị thực hiện chuẩn bị dữ liệu khai quyết toán để lập và gửi Hồ sơ thông qua các phương thức điện tử tới cơ quan thuế trước thời điểm kết thúc hạn nộp để có thể điều chỉnh kịp thời nếu có sai, sót. Quý đơn vị có thể truy cập Trang thông tin điện tử Cục Thuế tỉnh Hà Nam tại địa chỉ Website <http://hanam.gdt.gov.vn> hoặc Trang Zalo Cục Thuế tỉnh Hà Nam để tham khảo thêm các bài viết tuyên truyền, hướng dẫn, cập nhật chính sách, pháp luật thuế do Cục Thuế đăng tải.

Với mục tiêu tiếp tục đồng hành cùng người nộp thuế, kịp thời hỗ trợ giải đáp vướng mắc của người nộp thuế liên quan đến việc khai QTT năm 2024, Cục thuế tỉnh Hà Nam tổ chức Chương trình “**Tháng hỗ trợ QTT năm 2024**” thời gian từ ngày 01/3/2025 đến hết ngày 31/3/2025 qua các hình thức: điện thoại, email (ttht.hna@gdt.gov.vn), hệ thống kênh thông tin hỗ trợ người nộp thuế qua eTax, hoặc trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” của cơ quan thuế. Ngành Thuế tỉnh Hà Nam sẽ hỗ trợ, giải quyết nhanh nhất các vướng mắc phát sinh trong kỳ QTT năm 2024.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, NNT liên hệ cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo các hình thức nêu trên. Trường hợp cần hỗ trợ qua điện thoại, NNT liên hệ theo số điện thoại sau:

- *Tại Cục Thuế:* Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ NNT: 0226.3829232, 0226.3851553. Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 1: 0226.3851545, Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 2: 0226.3847846. Phòng Quản lý hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác: 0226.3851552. Phòng Công nghệ thông tin: 0226.3829733. Phòng Kế khai và Kế toán thuế: 0226.3841583.

- *Tại Chi cục Thuế:* Chi cục Thuế khu vực Phủ Lý – Kim Bảng: 0226.3616188; Chi cục Thuế khu vực Duy Tiên – Lý Nhân: 0226.3832537; Chi cục Thuế khu vực Thanh Liêm – Bình Lục: 0226.3773266.

Cục Thuế tỉnh Hà Nam cung cấp thông tin để các doanh nghiệp; cơ quan chi trả thu nhập và người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Hà Nam biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp, Sở TTTT, Báo Hà Nam; } (Giúp phối hợp
- Đài PT-TH, Công TTĐT tỉnh Hà Nam; } tuyên truyền)
- Các Hiệp hội DN trên địa bàn; } (Giúp phối hợp tuyên
- Các Đại lý Thuế trên địa bàn; } truyền tới NNT)
- Lãnh đạo Cục;
- Các Phòng;
- Các Chi cục Thuế khu vực; (Triển khai tuyên truyền tới NNT)
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Quang Hệ